TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/DS-PT
Ngày: 08-12-2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn và ông Dương Viết Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Thuý - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 08/12/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số: 69/2023/TLPT- DS ngày 06/10/2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2023/DS - ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4850/2023/QĐ-PT ngày 27/11/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: Thôn Lộc L, xã Xuân N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình - Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường Bắc L, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị M: Bà Bùi Thị Xuân - Trợ giúp viên pháp L Trung tâm trợ giúp pháp L Nhà nước tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trường L, sinh năm 1953 và bà Phan Thị M, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Nguyễn Trường L: Ông Hà Nhật Lâm - Trợ giúp viên pháp L Trung tâm trợ giúp pháp L Nhà nước tỉnh Quảng Bình; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2022 và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Méo là ông Nguyễn Văn H trình bày: Gia đình ông có lô đất thổ cư và làm nhà ở sinh sống từ lâu, đến năm

2016 được UBND huyện Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 618m^2, trong đó 200m^2 đất ở và 418m^2 đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất số 273, tờ bản đồ số 26 mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M. Năm 2019 thì bố ông chết, hiện tại mẹ ông bà Nguyễn Thị M là người quản L sử dụng thửa đất trên. Quá trình sử dụng đất gia đình kiểm tra, do đạc lại diện tích đất để xây hàng rào phía Tây giáp đất của ông L, bà M thì phát hiện phần diện tích đất của gia đình bị ông Nguyễn Trường L, bà Phan Thị M lấn chiếm phần đất có diện tích 27,2m^2. Nay yêu cầu ông Nguyễn Trường L, bà Phan Thị M tháo dỡ tường xây nhà bếp phía Bắc có số đo 1,01m, phía Đông có kích thước 11,3m; phía Tây có kích thước 11,2m; phía Nam có kích thước 0,61m để trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm.

- *Bị đơn ông Nguyễn Trường L và bà Phan Thị M thống nhất trình bày:* Gia đình ông bà sinh sống trên thửa đất ổn định từ lâu (qua 7 đời), năm 1992 được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 292, tờ bản đồ số 8, diện tích 470m^2, (trong đó đất ở 200m^2, đất kinh tế vườn 270m^2), đến năm 2014 được UBND huyện Quảng Ninh cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01485 ngày 31/12/2014 thửa đất số 441, tờ bản đồ số 26,diện tích 468,6m^2 (trong đó đất ở 200m^2, đất trồng cây hàng năm khác 268,6m^2), tên chủ sử dụng Ông/bà Nguyễn Trường L, Phan Thị M tại thôn L, xã X, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Quá trình sử dụng đến năm 2018 thì xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất với hộ gia đình bà M nhưng trước đó đã được UBND xã Xuân Ninh Hòa giải và hai bên có thống nhất phần đất của gia đình bà M có lấn sang phần đất của ông bà là 1,53m được chia đôi, từ đó hai gia đình thống nhất nên gia đình bà Méo đã chủ động xây hàng rào. Gia đình ông sử dụng ổn định từ đó đến nay và giữ nguyên hiện trạng, nay bà Nguyễn Thị M đề nghị gia đình ông bà tháo dỡ tường xây nhà bếp phía Bắc có số đo 1,01m, phía Đông có kích thước 11,3m; phía Tây có kích thước 11,2m; phía Nam có kích thước 0,61m để trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm 27,2m^2 thì ông bà không đồng ý.

- *Theo kết quả xem xét thẩm định vào ngày 21/3/2023:*

- Đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ số 26, tên chủ sử dụng Ông/bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị M tại xã X, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; có tứ cạnh như sau:

+ Phía Bắc: Giáp đường thủy lợi (từ điểm 10 đến điểm 8) có kích thước 13,50m (có xây hàng rào hoàn thiện đơn giản, có chiều cao 1,8m);

+ Phía Nam: Giáp đường giao thông (từ điểm 6 đến điểm 3) có kích thước 14,90m (có xây hàng ràohoàn thiện đơn giản cao 1,5m, 02 trụ cổng và lối đi);

+ Phía Đông: Giáp thửa đất 465 (từ điểm 8 đến điểm 6) có kích thước 46,22m (có xây hàng rào chưa hoàn thiện, có chiều dài 29,36m và chiều cao 1,2m đến 1,5m);

+ Phía Tây: Giáp thửa đất 441 (từ điểm 3 đến điểm 10) có kích thước 46,54m; trong đó có phần tiếp giáp với tường xây nhà bếp của ông L, bà M có kích thước 1,01m +11,3m + 0,61m và đoạn hàng rào hoàn thiện đơn giản có kích thức 14,22m;

Tổng diện đất trên thực tế gia đình bà M đang sử dụng là 657,8m^2 (Trong đó phần đất thuộc đường giao thông phía Nam 7,1m^2; đất đang chấp với bà ông L, bà M về phía Đông 27,2m^2; đất thủy lợi phía Bắc 31,6m^2). Trên thửa đất 273 có 01 nhà cấp 4, 03 gian lợp ngói, công trình phụ khép kính hoàn thiện, mái hiên đổ bằng có diện tích 133m^2; mái hiên làm bằng khung lợp tôn có diện tích 91,1m^2 ;

- Đối với thửa đất số 441, tờ bản đồ số 26, tên chủ sử dụng Nguyễn Trường L, Phan Thị M tại xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; có tứ cạnh như sau;

+ Phía Bắc: Giáp đường thủy lợi (từ điểm 13 đến điểm 9) có kích thước 10,30m (có xây hàng rào chưa hoàn thiện, chiều cao 1,9 đến 2m);

+ Phía Nam: Giáp đường giao thông (từ điểm 3 đến điểm 1) có kích thước 11,54m (có xây hàng rào hoàn thiện đơn giản, và chiều cao 1,5m, 02 trụ cổng và lối đi);

+ Phía Đông: Giáp thửa đất 273 (từ điểm 9 đến điểm 3) có kích thước 46,56m (có xây hàng rào hoàn thiện đơn giản, có chiều dài 14,22m và chiều cao 1,2m);

+ Phía Tây: Giáp thửa đất 442 (từ điểm 1 đến điểm 13) có kích thước 46,38m (có xây hàng rào chưa hoàn thiện, có chiều cao 1,5m đến 2m);

Tổng diện tích đất trên thực tế ông L, bà đang sử dụng là 527,6m^2, tăng 59m^2 so với GCNQSDĐ (Phần đất tăng them gồm phần đất giao thông phía Nam 6,5m^2; đất đang chấp với bà Méo phía Đông 27,2m^2; đất thủy lợi phía Bắc 24,2m^2). Trên thửa đất có 01 nhà cấp 4 lợp ngói đơn giản, nhà bếp và công trình phụ, diện tích 119,5m^2 ;

- Trên phần đất đang tranh chấp 27,2m^2; có các cạnh: Từ điểm 5 đến điểm 16 dài 13,27m; từ điểm 16 đến điểm 15 dài 11,30m; từ điểm 15 đến điểm 11 dài18,56m; từ điểm 11 đến điểm 12 rộng 0,47 (có hàng rào xây cao 1,5m); từ điểm 12 đến điểm 4 dài 43,12m (có phần tường nhà bếp của ông L, bà M có kích thức chiều dài 1,01m + 11,3m + 0,61m, chiều cao 2,5m đến 2,8m và hàng rào của bà Méo dài 13,27m);

- Kết quả định giá:

+ Về đất ở thửa 273, 441 là đất ở nông thôn, thuộc vị trí 1, khu vực 3 nông thôn; giá đất ở 106.000đồng/m^2; đất trồng cây hàng năm khác có giá 33.000đồng/m^2.

+ Về tài sản: Phần móng nhà bếp (ông L, bà M) xây 0,4m x 11,3m x 0,6m = 2,71m^2 với giá 1.105.000đồng/m^2 thành tiền là 2.752.680 đồng. Phần tường xây nhà bếp (ông L, bà M) chiều cao dưới 4m x 0,2m x 11,3m x 2,7m = 6,102m^2 với giá 1.44.000đồng/m^2 thành tiền là 8.841.798 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 31/8/2023, Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; các Điều 34, 35, 39, 92, 147, 157, 165, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 100, 166, 170 và 202, 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Buộc ông Nguyễn Trường L, bà Phan Thị M trả lại phần diện tích 13,93m^2 đang tranh chấp, có các cạnh: Phía Bắc có kích thước 0,47m; phía Nam có kích thước 1,01m; phía Đông có kích thước 18,56m; phía Tây có kích thước 18,59m cho bà Nguyễn Thị M tại thửa đất số 273, tờ bản đồ số 26 mang tên Ông/bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị M.

Giao phần đất ở, diện tích đất 9,2m^2 thuộc thửa đất số 273, tờ bản đồ số 26 của ông Hinh, bà Méo cho ông Nguyễn Trường L, bà Phan Thị M đang sử dụng xây tường xây nhà bếp có các cạnh; phía Bắc có kích thước 1,01m; phía Nam có kích thước 0,61m; phía Đông có kích thước 11,3m; phía Tây có kích thước 11,2m. Buộc ông Nguyễn Trường L, bà Phan Thị M phải có trách nhiệm hoàn trả 975.200 đồng giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Méo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quy ết định vấn đề á n phí , chi phí tố tụng; quyền thoả thuận thi hành án , tự nguyện thi hành án , yêu cầu thi hành án , việc bị cưỡng chế thi hành án , vấn đề thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 11/9/2023, ông Nguyễn Trường L và bà Phan Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc phía nguyên đơn phải tôn trọng ranh giới giữa hai thửa đất là hàng rào mà phía nguyên đơn đã xây dựng nay đã bị nguyên đơn phá bỏ xây tiếp giáp vào nhà bếp của ông bà.

- Ngày 11/9/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Hinh, bà Méo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH860921 cấp ngày 26/12/2006 của UBND huyện Quảng Ninh (Ranh giới là một đường thẳng và cũng đúng như thẩm định của cơ quan đo đạc do Tòa án mời về đo, ông L, bà M phải trả lại 27, 2 m^2). Ông L tự nhận ra những sai sót mà việc làm, lời nói đã gây ra tiếng tăm và thiệt hại thì phải bồi thường danh dự. Ông L, bà M phải bồi thường giá trị sử dụng 27,2 m^2 đất của gia đình bà Méo đã sử dụng bấy lâu nay.

- ***Tại phiên toà phúc thẩm :*** Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; không cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ gì mới và nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, nội dung tóm tắt như sau:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bên đương sự, giữ nguyên toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm và buộc nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Do không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn kháng cáo Bản án số 28/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh. Đơn kháng cáo làm trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc các thửa đất đang tranh chấp: Theo bản đồ 299 thể hiện thửa đất của ông L, bà M có ký hiệu số thửa số 470 diện tích 470m^2; thửa đất của ông H, bà M có ký hiệu số thửa 293, diện tích 600m^2. Sau này thửa đất của ông L, bà M được chỉnh L thành thửa đất số 441, diện tích 468,6m^2; thửa đất ông Hinh, bà Méo được chỉnh L thành thửa đất số 273, diện tích 618m^2.

Đối với thửa đất của nguyên đơn: Ngày 26/12/2006, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M được UBND huyện Quảng Ninh cấp GCNQSDĐ số AH 860921 đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ số 26; diện tích 618 m^2, trong đó 200 m^2 đất ở và 418 m^2 đất vườn. Đến năm 2009, Nhà nước thu hồi 5m^2, nên diện tích còn lại là 613 m^2. Tuy nhiên, theo kết quả thẩm định ngày 21/3/2023 thì diện tích theo hiện trạng gia đình bà M đang sử dụng là 657,8 m^2 tăng 39,8m^2 so với GCNQSDĐ đã được cấp. Trong đó phần diện tích tăng thêm thuộc phần đất đường giao thông phía Nam 7,1m^2; đất thủy lợi phía Bắc 31,6m^2.

Đối với thửa đất của bị đơn: Năm 1992, ông Nguyễn Trường L và bà Phan Thị M được UBND huyện Quảng Ninh cấp GCNQSDĐ lần đầu tại thửa đất số 292, tờ bản đồ số 8 với diện tích 470 m^2 (trong đó đất ở 200 m^2, đất vườn 270 m^2). Ngày 31/12/2014, ông L, bà M được UBND huyện Quảng Ninh cấp đổi GCNQSDĐ số BQ627873 tại thửa đất 441, tờ bản đồ số 26 với diện tích 468,6 m^2. Tuy nhiên, theo kết quả thẩm định ngày 21/3/2023 thì diện tích theo hiện trạng gia đình ông L, bà M đang sử dụng là 527,6 m^2, tăng 59m^2 so với GCNQSDĐ đã được cấp. Trong đó phần đất giao thông phía Nam 6,5m^2; đất đang chấp với bà M phía Đông 27,2m^2; đất thủy lợi phía Bắc 24,2m^2.

Xét thấy, tại các thời điểm được cấp GCNQSDĐ các bên đương sự đều không có bất cứ ý kiến phản đối nào và diện tích đất được cấp thể hiện trong GCNQSDĐ của các bên hoàn toàn phù hợp với các bản đồ địa chính qua các thời kỳ. Đối với phần diện tích đất sử dụng trên thực tế của các bên đều tăng thêm so

với GCNQSDĐ đã được cấp là do các bên có lấn chiếm phần đất thuộc mương thủy lợi về phía Bắc và đường giao thông về phía Nam.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trường L và bà Phan Thị M: Theo kết quả chỉ dẫn của ông L, bà M sử dụng đất trên thực tế thì thửa đất của ông L, bà M có diện tích 527,6m^2 tăng thêm 59 m^2 so với GCNQSDĐ đã được cấp; kích thước hình thể của thửa đất nguyên đơn chỉ dẫn về phần tiếp giáp với nguyên đơn mà các bên hiện đang tranh chấp là đường gấp khúc. Việc xác định hiện trạng sử dụng đất trên thực tế của bị đơn nêu trên là không phù hợp với hình thể, kích thước các cạnh được thể hiện trong GCNQSDĐ đã được cấp cho các bên. Mặt khác, theo kết quả đo vẽ đã thể hiện rõ, trong tổng số diện tích 59 m^2 đất tăng thêm của bị đơn gồm có diện tích 24,2 m^2 đất về phía Bắc giáp đường thủy lợi; phía Nam giáp đường bê tông là 6,5 m^2, còn lại 27,2m^2 đất đang tranh chấp tiếp giáp với thửa đất của nguyên đơn (trong đó có 4,7m^2 nguyên đơn đã tự xây hàng rào lùi vào phần đất của mình). Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên và buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm có tổng diện tích 22,5m^2 là có căn cứ; tại cấp phúc thẩm bị đơn không cung cấp được các tình tiết gì mới nên không có căn cứ để thỏa mãn kháng cáo của bị đơn.

[2.3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M buộc bị đơn phải phá dỡ 9,2m^2 nhà bếp để trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm, thấy rằng: Tại thời điểm bị đơn xây dựng nhà bếp và công trình phụ, phía nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện sự phản đối của mình, điều này thể hiện cũng có một phần lỗi của nguyên đơn trong việc quản L, sử dụng đất. Mặt khác, xét thấy nhà bếp của bị đơn được xây dựng kiên cố để sử dụng trong thời gian dài, cho nên trong trường hợp buộc phải tháo dỡ sẽ gây ảnh hưởng đến công năng sử dụng cũng như sinh hoạt của bị đơn. Do đó, cấp sơ thẩm đã giao 9,2m^2 đất ở mà đã bị đơn xây dựng nhà bếp để tiếp tục sử dụng và buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn giá trị bằng tiền là phù hợp với thực tế sử dụng đất của các bên, nên cần giữ nguyên quyết định của cấp sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo vẽ do nguyên đơn đã nộp đủ 4.800.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải hoàn trả lại toàn bộ chi phí tố tụng cho nguyên đơn theo quy định tại các Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn không được chấp nhận nên các bên đều phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, các bên đương sự đều là người có công với cách mạng và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu nộp án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 9 Điều 26; các Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 100, 166, 170 và 202, 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trường L và bà Phan Thị M; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Buộc ông Nguyễn Trường L, bà Phan Thị M trả lại 13,93m^2 đất do lấn chiếm cho bà Nguyễn Thị M tại thửa đất số 273, tờ bản đồ số 26 tại Thôn Lộc Long, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình do UBND huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số AH 860921 ngày 26/12/2006 mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M, có các cạnh cụ thể như sau: *(có sơ đồ đo vẽ chi tiết kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án)*:

+ Phía Bắc có kích thước 0,47m;

+ Phía Nam có kích thước 1,01m;

+ Phía Đông có kích thước 18,56m;

+ Phía Tây có kích thước 18,59m

- Giao 9,2m^2 đất ở thuộc thửa đất số 273, tờ bản đồ số 26 tại Thôn Lộc Long, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình do UBND huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số AH 860921 ngày 26/12/2006 mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M cho ông Nguyễn Trường L và bà Phan Thị M đang sử dụng xây tường xây nhà bếp có các cạnh:

+ Phía Bắc có kích thước 1,01m;

+ Phía Nam có kích thước 0,61m;

+ Phía Đông có kích thước 11,3m;

+ Phía Tây có kích thước 11,2m.

- Buộc ông Nguyễn Trường L, bà Phan Thị M phải có trách nhiệm hoàn trả 975.200 đồng giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Méo.

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Trường L và bà Phan Thị M phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 4.800.000 đồng

3. Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Các bên đương sự đều là người có công với cách mạng nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (08/12/2023).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Trung Thành